

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 25- 12- 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Nguyễn Văn Miên

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hưng N, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: VMB, HB, BL

2. Bị đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: XVMB, HB, BL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn là anh Nguyễn Hưng N trình bày: anh và chị Trần Thanh T xây dựng hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XVMB, HB, BL theo quyền số 265/2003 ngày 17/11/2003. Quá trình chung sống với nhau anh N và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Lê A sinh ngày 02/3/2000 và Nguyễn Trần Hoài N, sinh ngày 24/8/2002, hiện nay cháu Lê A và cháu Hoài N đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh N không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh N và chị T là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2008 đến nay.

Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị T, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh N không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Theo bị đơn: Chị Trần Thanh T không có lời trình bày tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án có giao Thông báo về việc thụ lý vụ án số 276/TB-TLVA ngày 08 tháng 10 năm 2020, giải thích quyền và nghĩa vụ cho chị T khi nhận văn bản của Tòa án. Nhưng chị T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N là nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Ngoài ra Tòa án cũng giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2 cho chị T nhưng chị T không đến dự phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, theo quy định pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

* Về thủ tục tố tụng:

+ Tòa án tiến hành tổng đạt, thông báo cho nguyên đơn là anh N và bị đơn là chị T đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc xác định mối quan hệ tranh chấp vụ án đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Xác định tư cách những người tham gia tố tụng anh N là nguyên đơn còn chị T là bị đơn đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 02/12/2020 và chuyển giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu ngày 05/12/2020 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung đề xuất:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- (1). Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hưng N đối với chị Trần Thanh T.
- (2). Về con chung: không đặt ra xem xét.
- (3). Tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét.
- (4). Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: anh Nguyễn Hưng N phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Hưng N và bị đơn là chị Trần Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, anh N và chị T đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh N và chị T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XVMB, HB, BL nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh N và chị T, quá trình giải quyết vụ án thấy rằng cuộc sống của vợ chồng anh N và chị T thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh N và chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống với nhau anh N và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Lê A sinh ngày 02/3/2000 và Nguyễn Trần Hoài N, sinh ngày 24/8/2002, hiện nay cháu Lê A và cháu Hoài N đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên- đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Điều 271, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hưng N đối với chị Trần Thanh T.

2- Về quan hệ con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Hưng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010241 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình được chuyển thu án phí.

4- Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã Vĩnh Mỹ B, H, Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Thương

